T□ LI□U

DÂN T□C H□C

CỒNG CHIÊNG TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI CÀDONG Ở HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

TRẦN MAI PH□ỢNG

Đối với các tộc người trên dải đất Trường Sơn - Tây Nguyên, tài sản quý giá nhất trong tâm thức của họ chính là cồng chiêng. Văn hóa cồng chiêng, một cách thống nhất trong chỉnh thể hệ thống vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên, bao hàm những giá trị mang đậm chất hồn nhiên, hoang dã, thuần khiết và đầy nguyên sơ, nhưng lại xuất phát từ một nền tảng tư duy và thẩm mỹ sâu sắc, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan phức tạp của các dân tộc bản địa.

Với dân số khoảng 8.000 người (Xuân Uyên, 2007, tr. 507), người Càdong sinh sống tập trung chủ yếu trên địa bàn huyện Nam Trà My, Bắc Trà My (miền núi phía Tây Nam), tỉnh Quảng Nam. Đây là nhóm địa phương của dân tộc Xơ-đăng - thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ-me. Văn hóa của người Càdong mang những đặc trưng chung của vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên. Qua chuyến khảo sát tại một số thôn trên địa bàn huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, chúng tôi bước đầu đã có những nhận định về việc sử dụng cồng chiêng ở đây. Nghiên cứu "*Cồng chiêng trong đời sống người Càdong*" của chúng tôi được thực hiện với mong muốn góp thêm những luận bàn về văn hóa các tộc người trên dãy Trường Sơn.

1. Về bộ cồng chiêng người Càdong

Qua khảo sát trên địa bàn Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3 của xã Trà Bui, huyện Bắc Trà My, hầu hết cồng chiêng vẫn còn được sử dụng phổ biến trong các gia đình. Nhà nào cũng có một bộ chiêng, có gia đình có tới 2, 3 bộ. Bộ cồng chiêng của người Càdong có những đặc thù riêng so với các tộc người ở Tây Nguyên. Một bộ chiêng của người Càdong chỉ gồm 3 chiêng và 1 trống (không giống như bộ chiêng gồm nhiều chiếc và treo thành dàn nhạc để chơi của các dân tộc khác ở Tây Nguyên), trong đó có 2 chiêng to, 1 chiêng nhỏ[1]. Chiêng của người Càdong không có núm, mặt chiêng bằng phẳng. Họ đánh chiêng bằng dùi, có khi bằng tay, còn trống chỉ được đánh bằng tay không.

Giống như các tộc người Trường Sơn - Tây Nguyên, người Càdong không thể tự đúc và chế tác chiêng cho riêng mình. Cồng chiêng của các tộc người Trường Sơn - Tây Nguyên được mua từ nhiều nguồn: từ người Kinh ở miền xuôi, hay người Khơ-me ở

[1] Theo tiếng địa phương, chiêng to là *chic-kơt*, chiêng nhỏ là *chic-pố*, trống là *x-gớt*.

Campuchia, người Lào ở Nam Lào. Tại các bản làng (*plei*) của người Càdong mà chúng tôi đã đến, người dân cho biết, chiêng chủ yếu được mua ở làng đúc đồng truyền thống Phước Kiều ở Hội An. Ngoài ra, có những chiếc chiêng do ông bà tổ tiên cất giữ và truyền lại; đây được xem như là những tài sản vô giá. Để có được một chiếc chiêng như ý muốn, người Càdong phải lựa chọn rất kỹ càng trước khi quyết định mua. Họ lần lượt xem và thử chiêng, lắng nghe tiếng chiêng cho đến khi chọn được chiếc chiêng có âm thanh vừa ý nhất.

Âm thanh là một trong những nhân tố quan trọng nhất góp phần làm nên giá trị của một chiếc chiêng nói riêng, và của cả bộ cồng chiêng, của văn hóa cồng chiêng nói chung. Chính vì thế, mỗi làng có hẳn những *chuyên gia* chỉnh chiêng thành thạo. Hầu hết những chuyên gia này là những người lớn tuổi, có kinh nghiệm trong việc sử dụng cồng chiêng, nhưng cũng không ngoại trừ những thanh niên dày dặn kỹ năng do già làng hoặc người thạo chiêng truyền lại. Với đôi tai cảm thụ âm nhạc tinh tế, họ là người chỉnh lại âm thanh của chiêng sao cho phù hợp với sở thích âm nhạc của dân tộc mình. Thậm chí, họ còn có khả năng *chữa mất tiếng* trong quá trình sử dụng chiêng lâu dài. Mỗi làng có một kỹ thuật khác nhau, nhưng nguyên tắc chung là làm cho tiếng chiêng *tan* đều ra toàn bộ mặt chiêng, vì sau một thời gian sử dụng, người Càdong cho rằng, âm thanh ở vị trí đánh chiêng đã bị mất và tụ lại ở vành chiêng. Có làng dùng cách thoa nước đều lên mặt chiêng cùng một số kỹ thuật khác, để cho tiếng chiêng *tan* đều ra, không còn tụ lại một chỗ; lại có làng dùng dùi đánh chiêng kéo rê từ vành vào chính tâm chiêng, liên tục thành hình nan xe sẽ khiến cho chiêng không còn bị mất tiếng.

Như đã nói ở trên, mỗi dân tộc yêu thích một âm điệu chiêng đặc thù. Người Càdong không phải là ngoại lệ. Họ thích chiêng một giọng, khi đánh nghe vang to, vang xa, ngân nga, nhỏ dần rồi dứt. Trong bộ chiêng, 2 chiêng lớn có âm điệu giống nhau và khác với chiêng nhỏ còn lại. Mỗi làng đều có những nhịp điệu, tiết tấu đánh chiêng nhanh - chậm, to - nhỏ khác nhau, tương ứng với mỗi điệu chiêng là từng điệu múa phù hợp. Người Càdong ở Thôn 2 có ba điệu đánh chiêng khác nhau (điệu nhẹ, nhanh, chậm). Trong lễ hội có sử dụng cồng chiêng, đầu tiên họ sử dụng điệu chiêng có âm điệu nhanh, mạnh, những ngày sau họ lại dùng điệu chiêng nhẹ nhàng, chậm rãi.

Tuy người Càdong phải đặt mua chiêng, nhưng họ có thể tự làm trống và dùi đánh chiêng. Công đoạn chọn nguyên vật liệu và kỹ thuật làm trống rất phức tạp. Để có được một chiếc trống cho âm thanh như ý muốn, họ phải tỉ mỉ trong từng thao tác. Thân trống được làm từ gỗ cây *gió* trưởng thành sau 30 năm, mặt trống được căng bằng da bò, tấm da càng căng càng cho âm thanh tốt hơn. Người Càdong dùng sợi mây để cố kết toàn bộ cấu trúc, níu hai đầu mặt trống, ở giữa thân (phần to nhất) được chêm một vòng xuyến bằng mây để trống được căng và chặt. Bên trong trống, người Càdong thả hạt đá hoặc chiếc lắc nhằm tạo thêm nhịp điệu. Đặc biệt, họ còn sử dụng kỹ thuật thông hơi để chiếc trống có được âm thanh tốt hơn, thoáng hơn, bằng cách đặt cánh chim ó ở bên trong ruột trống, và xâu sợi mây để cố định nó. Họ thường làm trống ở gần thác nước, với ước nguyện chiếc trống có được âm thanh âm vang, bùng bùng như tiếng thác. Khi đã hoàn thành, người Càdong tiến

hành lễ cúng để tỏ lòng biết ơn người đã có công chăm cây gió lớn lên, và cầu mong cho chiếc trống được sử dụng lâu dài, ở lại mãi với gia đình người Càdong.

2. Cồng chiêng trong đời sống người Càdong

Là một loại hình nhạc cụ liên quan mật thiết đến sinh hoạt văn hóa cộng đồng, sinh hoạt tín ngưỡng, tuy nhiên, cồng chiêng lại không hề xuất hiện trong các lễ nghi vòng đời người của người Càdong. Lễ cưới hỏi hay tang ma đều không được sử dụng cồng chiêng.

Với người Càdong, cồng chiêng chỉ hiện diện vào các dịp lễ hội trong năm, vào dịp *Tết mùa, lễ đâm trâu huê, Tết đàn ông - Tết đàn bà, lễ cúng máng nước*. Trong đó, lễ cúng máng nước chỉ đánh chiêng 5 năm một lần. Ngoài các dịp lễ này ra, người Càdong tuyệt đối không được đánh cồng chiêng.

Tết mùa là tết đầu năm của người Càdong (cũng như Tết cổ truyền của người Kinh), bắt đầu vào khoảng tháng Mười âm lịch hàng năm, sau khi thu hoạch lúa, kéo dài từ một tuần đến 10 ngày. Tùy vào tình hình kinh tế của làng năm đó mà thời gian ăn *Tết mùa* diễn ra dài hay ngắn. Nếu mùa màng bội thu, cây lúa, cây bắp xum xuê, người Càdong sẽ có một cái Tết linh đình, vui vẻ. Đây là lễ hội lớn nhất trong năm, những tập tục trong dịp Tết này, vì vậy, rất phong phú và nhiều màu sắc. Trong dịp *Tết mùa*, các gia đình Càdong nấu rượu, làm bánh nướng trong ống nứa, cúng heo, sau đó chia cho làng. Khi lễ cúng đã hoàn tất, người Càdong cùng nhau đánh chiêng trong nhà. Đồng thời, họ *xin keo* để được thần linh cho phép nhảy múa. Trong niềm vui được mùa, bản làng đoàn tụ đầu năm, các gia đình lần lượt đến nhà thăm hỏi nhau. *Tết mùa* chính là dịp để người Càdong thờ cúng tổ tiên, tỏ lòng biết ơn đến các vị thần sông, núi, cảm tạ hồn lúa đã cho họ một vụ mùa bội thu, đồng thời, cầu mong sức khỏe.

Cũng trong dịp *Tết mùa*, người Càdong tiến hành *xin keo* cho lễ *đâm trâu huê* (còn gọi là lễ ăn trâu huê) vào tháng Hai âm lịch sắp tới. Theo người Càdong, nếu con ma đòi, năm đó làng phải làm lễ *đâm trâu huê* để dâng cúng, và như thế con ma không còn bắt người của làng nữa. Lễ đâm trâu huê diễn ra trong vòng 1 tuần hoặc hơn thế, có làng kéo dài đến 12 ngày. Những ngày đầu, cả làng cùng nhau nấu rượu. Sau một ngày nghỉ ngơi, mọi người cất công làm một cây nêu thật đẹp để tế lễ. Được xem là một biểu tượng đặc trưng cho lễ hội của người Càdong (cũng như các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên), cây nêu ở đây bao hàm những ý nghĩa hoàn toàn khác biệt với hình ảnh cây nêu của người Kinh trong ngày Tết Nguyên đán. Được làm từ gỗ *huê*, việc trang trí cây nêu diễn ra rất công phu với những họa tiết đặc trưng, trong đó mỗi họa tiết đều là một biểu hiện sinh động, thể hiện một cách phong phú thế giới quan, nhân sinh quan của cư dân địa phương. Cây nêu sau khi làm xong được chôn sâu ngay trước sân nhà của già làng[2], đồng thời cả dân làng tập trung tại đây, cùng nhau đánh cồng chiêng, nhảy múa tưng bừng và chia cho nhau từng miếng thịt trâu.

Lễ *đâm trâu huê* là thời điểm mà tất cả những chiếc chiêng, những bộ chiêng tốt đều

[2] Với người Càdong, lễ *đâm trâu huê* được diễn ra tại nhà già làng, thay vì nhà cộng đồng như thường thấy ở các tộc người ở Trường Sơn - Tây Nguyên.

được tập trung lại, cả làng cùng tề tựu, người già, trẻ nhỏ, đàn ông, đàn bà ngồi cạnh nhau để thưởng thức những điệu chiêng, điệu múa đặc sắc do những nghệ nhân tài giỏi trình diễn, với ước vọng cầu nguyện cho linh hồn cây lúa, cây bắp, người sống - người chết gần gũi, sum họp, vui vầy.

Tết đàn bà (diễn ra ngay trong những ngày *Tết mùa*) cũng là dịp mà tiếng chiêng được ngân lên trong thung lũng nhỏ, nơi bản làng người Càdong sinh sống. Ngay sau đó là *Tết đàn ông*, tuy nhiên, không ai được phép đánh chiêng, chơi chiêng trong ngày lễ này. Cũng chính vì thế mà *Tết đàn bà* còn gọi là *Tết lớn*, còn *Tết đàn ông* được gọi là *Tết nhỏ*. Trong ngày *Tết lớn*, các gia đình Càdong vừa làm bánh, nấu xôi, vừa đánh chiêng và cúng heo. Đến ngày *Tết nhỏ*, mọi người thôi không đánh chiêng nữa, và chỉ cùng nhau làm gà dâng cúng thần linh.

Cứ 5 năm một lần, người Càdong lại có thêm dịp đánh chiêng vào *lễ cúng máng nước*. Thường thì cúng máng nước diễn ra ngay tại nhà già làng trước khi cả làng đi trỉa lúa. Tuy nhiên, cứ sau 5 năm, lễ cúng máng nước lại được tiến hành một cách trang trọng với đầy đủ các nghi lễ, đặc biệt có thêm sự hiện diện của những thanh âm cồng chiêng vang vọng. Người đàn ông thịt lợn, gà và đứng ở trên nguồn để cúng *hứng phép*, còn người đàn bà ở dưới nguồn nước để *nhận phép*, với ước vọng xin ông bà, thần linh cho họ một nguồn nước trong sạch và không bao giờ cạn.

Như vậy, ngoài những dịp lễ quan trọng trên, người Càdong tuyệt đối không được đem chiêng ra đánh. Tuy nhiên, sự hiện diện của cồng chiêng trong đời sống của người Càdong không chỉ đơn thuần là sự hiện diện trực tiếp và hiển nhiên vào mùa lễ hội. Trong một năm, dù có những thời điểm không ai được phép đụng vào cồng chiêng, nhưng trong tâm thức, cồng chiêng và âm thanh cồng chiêng vẫn luôn hằn sâu, trường tồn trong đời sống tinh thần của họ. Cồng chiêng gắn chặt với số phận người Càdong, từ khi họ nằm trong bụng mẹ, đến khi ra đời, lớn lên, trải qua bao mùa rẫy, bao đổi thay của cuộc đời, và cho đến khi họ trở về với đất mẹ; và được truyền từ đời này sang đời khác.

3. Vũ điệu, trang phục liên quan đến sinh hoạt cồng chiêng của người Càdong

Văn hóa cồng chiêng "là sự tập trung rất cao của các di sản văn hóa phi vật thể. Phải khẳng định rằng không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên đậm đặc các di sản văn hóa phi vật thể: tín ngưỡng, múa, lễ hội..." (Nhiều tác giả, 2006). Vì thế, không thể không bàn đến các giá trị văn hóa phi vật thể đã góp phần tạo nên một không gian văn hóa cồng chiêng đặc sắc và riêng có.

Với người Càdong, mỗi điệu múa đi liền với từng điệu chiêng. Điệu múa *cheo* (*cà - cheo*) chỉ có duy nhất và chỉ được múa trong lễ *đâm trâu huê*. Trong lễ này, người Càdong múa *cheo* vòng quanh sân, và theo họ, đây là điệu múa đi tìm linh hồn con trâu để dâng cúng các vị thần lúa, thần bắp. Gắn liền với múa cheo là diễn tấu *chiêng cheo*, còn được gọi là *đánh cheo*. Nếu như chỉ đánh cheo đơn thuần, họ chỉ cần 1 chiêng nhỏ và 1 chiêng lớn cùng 1 trống, nếu như vừa múa vừa đánh điệu chiêng cheo thì phải cần đến 3 chiêng lớn, 2 chiêng nhỏ và 2 trống.

Ngoài múa *cheo*, người Càdong còn có nhiều điệu múa khác. Múa *tà - dà* là điệu múa đầu tiên của buổi lễ đâm trâu, lên xuống

đôi tay một cách đều đặn, và cần có 3 chiêng, 1 trống. Điệu *leo - lác* lại diễn ra gần thời điểm đâm trâu. Đây là điệu múa chậm, tay cao tay thấp rồi lại đổi bên, cần có 1 chiêng nhỏ, 1 chiêng lớn và 1 trống, tiếng chiêng đánh lên có âm điệu *cùm - cúp - cùm - cúp - cùm*. Và cuối cùng, ngay sát thời điểm đâm trâu, điệu *tà - môốc* diễn ra với tiết tấu rất nhanh, tay dập dìu như sóng trong âm điệu của 3 chiếc chiêng và 1 chiếc trống.

Trong lễ đâm trâu, người Càdong còn có những làn điệu diễn xướng đặc thù. Tại đây, chúng tôi được chứng kiến những người đàn ông vừa hát vừa đi chầm chậm vòng quanh con trâu, tay cầm những cành cây và cài lá trên đầu.

Người Càdong có trang phục truyền thống của riêng mình, và bộ trang phục truyền thống này hiện nay chỉ được sử dụng trong những nghi lễ đặc biệt. Đàn ông mặc khố, quàng *tấm dô* qua vai, đeo 4 sợi cườm cổ. Đàn bà mặc yếm (buộc cổ, buộc lưng), quấn tấm dô làm váy, và cầu kỳ hơn, có cả những vật dụng trang sức đi kèm. Đó là cườm cổ, hoa tai được kết công phu, *xa - vắt* (dùng để buộc ngang hông, được làm bằng đồng), dây lưng trắng thắt ngang lưng và rủ xuống chân.

Tấm dô được chia thành 2 loại, *trống* và *mái*. Tấm dô mái dài 9 thước, có họa tiết sọc màu trắng ngà, tấm dô trống đẹp hơn, dài 11 thước, có màu sọc đỏ. Tuy được phân biệt là trống, mái, nhưng đàn ông hay đàn bà mặc tấm dô nào cũng đều được.

4. Các kiêng kỵ trong sử dụng cồng chiêng của người Càdong

Cồng chiêng của người Càdong tồn tại trong không gian văn hóa đầy huyền bí, tâm linh, và chính từ bản thân nó còn hàm chứa và lan tỏa một sức mạnh của tâm thức mà chủ nhân đã trao truyền cho nó bằng chính sự tôn thờ của mình. Đây không phải là một nhạc cụ đơn thuần, mà còn là một vật thiêng để người Càdong giao lưu, tiếp xúc với thần linh. Vì thế, với người Càdong, có rất nhiều kiêng kỵ khi sử dụng cồng chiêng.

Người Càdong không cấm đàn bà dùng chiêng. Đàn ông hay đàn bà đều có thể đánh chiêng vào dịp lễ. Tuy nhiên, người đàn ông đánh chiêng thường xuyên hơn, hay hơn, vì họ, một cách ngẫu nhiên, được ông bà, được già làng liên tục trao truyền qua các thế hệ bởi những khả năng tự có (khỏe và dai sức).

Đàn bà có thể đánh chiêng, nhưng người Càdong lại rất kỵ phụ nữ có thai tham gia trong các nghi lễ liên quan đến cồng chiêng. Theo họ, nếu người mang thai có mặt tại nơi đánh chiêng, trước hết, đứa con đó khi sinh ra sẽ thường xuyên la hét, quấy khóc và khóc to như những chiếc thanh la. Hơn thế, theo họ, các thần linh không thích ngửi mùi của phụ nữ mới sinh, vì thế, người có thai không được làm phiền các vị thần. Nếu trong lễ đâm trâu, trong nhà già làng có phụ nữ sinh nở là điều rất kỵ; do vậy, phải có những lễ thức cúng đặc biệt để mong cho các vị thần linh không quở trách.

Nhà nào có tang đều tự ý thức được rằng gia đình mình không được tham gia trong lễ hội cồng chiêng. Theo người Càdong, nhà có tang đang đau buồn, hướng về và cầu cúng cho người chết; trong khi đó, những âm thanh cồng chiêng vang lên lại thể hiện ước nguyện của người đang sống hướng về linh hồn cây lúa, cây ngô. Vì vậy, khi đánh cồng chiêng, nhà có người chết ai nấy đều không dám tới. Nếu trước lễ đâm trâu đột nhiên có người mất, cả làng phải hoãn

lại, không cần phải làm lễ nữa và họ cũng không sợ con ma quấy vì điều này. Bởi người Càdong cho biết, con ma đó đã ăn linh hồn người vừa chết thay cho linh hồn con trâu chuẩn bị được dâng cúng.

Người Càdong tuyệt đối không đánh chiêng nếu như chưa đến dịp. Vào thời gian *hết cữ* (theo cách gọi của người bản địa), cồng chiêng được cất giữ tại nơi trang nghiêm trong nhà. Cồng chiêng có thể được giấu kỹ, nhưng cũng có thể dựng ngay góc nhà, trở thành góc thiêng của gia đình. Nếu ai không tuân thủ quy định này, người đó sẽ bị con ma bắt đi, hoặc bị đau ốm, bệnh tật, mùa màng thất bát. Trong trường hợp buộc phải đánh chiêng vào thời điểm kiêng kỵ (như dịp đem cồng chiêng đi biểu diễn), người Càdong làm lễ cúng thật trang trọng để được thần linh cho phép.

Trong niềm tin tâm linh được nuôi dưỡng, người Càdong tin rằng, chỉ nên đánh cồng chiêng vào những thời điểm nhất định trong năm, và những thời điểm đó thường diễn ra sau khi họ đã thu hoạch xong vụ mùa của mình. Điều đó có nghĩa, khi chưa thu hoạch lúa, ngô, người Càdong không được phép đánh chiêng. Vì theo họ, lúa chưa thu hoạch, đang chín trên rẫy là lúc *lộc lúa, bà lúa* mới về ruộng, nếu đánh cồng chiêng tức là đã gọi *hồn lúa* về làng hết, làm cho cây lúa chỉ còn lại cái xác không hồn, và điều này không tốt chút nào.

Tuy nhiên, không phải cứ đến dịp lễ hội là người Càdong có thể đánh cồng chiêng mọi lúc mọi nơi. Với lễ *đâm trâu huê*, vào những ngày đầu, tiếng chiêng chỉ được ngân lên trong không gian ấm cúng của ngôi nhà. Phải cho đến ngày thứ 7 của lễ hội, khi tiến hành đâm trâu, ai nấy đều háo hức đem cồng chiêng ra đánh trước sân, nơi cả làng tổ chức lễ hội. Trong ngày cuối cùng, mọi người lại quây quần vui vẻ để một lần nữa nghe những tiếng chiêng, những điệu chiêng dập dìu, nhẹ nhàng chỉ được cất lên lần cuối trong nhà già làng.

Nếu có vị khách đến nhà người Càdong vào lúc đánh chiêng, người đó cần phải xin phép chủ nhà trước khi vào. Việc sử dụng trang phục trong những lúc đánh cồng chiêng ở người Càdong cũng có những quy định riêng. Thời gian *cữ* là lúc họ có thể đem cồng chiêng ra đánh, đem trang phục truyền thống ra mặc, nhưng khi *hết cữ*, họ phải cất bộ trang phục truyền thống của mình ở nơi trang nghiêm và không được đụng vào nó. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng cho bộ trang phục của người đàn ông (tấm dô và khố) mà không áp dụng với bộ trang phục của người đàn bà.

Những chiếc chiêng quý, và nhất là những chiếc chiêng do nhiều đời ông bà, tổ tiên để lại, được gia đình Càdong cất giấu rất kỹ. Thậm chí chiêng quý cùng những tài sản quan trọng khác còn được cất giữ tận hang sâu trong rừng, nơi thường xuyên có hổ dữ, với mục đích để chúng canh giữ hang cho các gia đình. Nếu muốn vào hang lấy chiêng phải làm lễ cúng mãnh hổ và các vị thần, còn lại, người ngoài vào chốn thiêng này sẽ bị phạt, nhẹ thì trâu, bò, lợn, nặng thì bị giết.

Người Càdong ở một vài nơi còn có tập tục chôn cồng chiêng theo người chết; tuy nhiên, khi chôn không được chôn theo dùi đánh chiêng, và chiếc chiêng phải được đập vỡ, gối lên đầu người chết.

Tóm lại, trong tâm thức người Càdong, khi sử dụng cồng chiêng, cần phải sử dụng đúng cách. Họ tuân thủ nghiêm ngặt những kiêng kỵ này như một mệnh lệnh cố nhiên

của các vị thần. Theo họ, đánh cồng chiêng không đơn thuần chỉ phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên của ý thích. Bởi lẽ, đây là một vật thiêng, nơi thần linh ngự trị, và mỗi lần đánh cồng chiêng là khi người Càdong tiếp xúc, gặp gỡ các vị thần linh thiêng mà họ tôn thờ. Những kiêng kỵ trong sử dụng cồng chiêng đã tỏ rõ điều đó.

5. Một vài kết luận

Cồng chiêng có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của người Càdong ở miền núi Quảng Nam. Không kể những yếu tố đương đại trong quá trình phát triển ảnh hưởng ít nhiều đến sự tồn tại của văn hóa cồng chiêng (lễ hội bị giản lược, số người trẻ tuổi không biết đánh cồng chiêng ngày càng tăng, trang phục truyền thống ít được sử dụng hàng ngày, thậm chí trong lễ hội...), không gian văn hóa cồng chiêng vẫn giữ được nguyên vẹn trong tâm thức người Càdong. Hồn nhiên, thô mộc nhưng đầy trân trọng, người Càdong không ngại ngần bày tỏ cảm nhận của mình về tài sản quý giá này: "*Âm thanh của cồng chiêng thích quá!*", "*lễ hội mà không có cồng chiêng thì chẳng ra gì!*". Với họ, những người dân bản địa yêu truyền thống, yêu điệu chiêng của mình, thì "*cồng chiêng ra đời từ đời ông đời bà, ra đời khi chưa có mình. Từ khi có đất đai, có con người là đã có cồng chiêng rồi*".

Cồng chiêng, văn hóa cồng chiêng chính là một bức tranh vô cùng sinh động về sinh hoạt văn hóa cộng đồng của các bản làng người Càdong. Cồng chiêng có ý nghĩa như một tài sản quý, vật trang trí, của hồi môn, một loại hình nhạc cụ và hơn thế, cồng chiêng còn là vật thiêng, là nội dung - hình thức của các sinh hoạt văn hóa của người Càdong.

Dưới góc độ phi vật thể, cồng chiêng có một sức mạnh to lớn, linh thiêng trong tâm thức mỗi người Càdong. Đây chính là nơi những vị thần của người Càdong trú ngụ, là cách mà con người giao tiếp với những thế lực siêu nhiên. Cồng chiêng, vượt ra khỏi những giá trị vật thể mà nó chứa đựng, đã trở thành tiếng nói tâm hồn, là linh hồn của người Càdong, nơi ẩn chứa sức mạnh cố kết cộng đồng mà mỗi thành viên đều hướng về. Những giá trị tinh thần vô giá đó đã khiến cho cồng chiêng trở thành một biểu tượng văn hóa luôn trường tồn với người Càdong, với các tộc người trên dải Trường Sơn.

Tài liệu tham khảo

1. Nhiều tác giả (2006), *Các nhạc cụ gõ bằng đồng - những giá trị văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

2. Sở Văn hóa thông tin Quảng Nam (2001), *Văn hóa Quảng Nam những giá trị đặc trưng, Kỷ yếu hội thảo*, Quảng Nam.

3. Sở Văn hóa thông tin Quảng Nam (2004), *Phong tục - tập quán - lễ hội Quảng Nam*, Quảng Nam.

4. Sở Văn hóa thông tin Quảng Nam (2007), *Văn hóa Quảng Nam (10 năm Tạp chí Văn hóa Quảng Nam)*, Quảng Nam.

5. Xuân Uyên (2007), "Tết đầu năm của người Càdong ở Quảng Nam", trong: *Tuyển tập 10 năm Tạp chí Văn hóa Quảng Nam (1997 - 2007)*, tr. 507.

6. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên) (2005), *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam*, Quảng Nam.

7. Viện Văn hóa - Thông tin (2006), *Kiệt tác truyền khẩu và di sản phi vật thể của nhân loại, không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên*, Nxb Thế giới, Hà Nội.